

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định

I. Kết quả đạt được

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; ban hành: Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 26/KH-HĐPH ngày 12/4/2024 về hoạt động của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh; Kế hoạch số 77/KH-HĐPH ngày 22/5/2024 về kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

Đồng thời, nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 04/4/2024 về thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024. UBND tỉnh đã báo cáo sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh¹; tham gia góp ý² và triển khai thực hiện³ văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp⁴ về tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” thuộc các Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Để tiếp tục triển khai nội dung tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tham gia cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan xây dựng Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện

¹ Báo cáo số 137/BC-STP ngày 26/4/2024.

² Công văn số 344/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 20/3/2024.

³ Công văn số 1109/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 15/7/2024.

⁴ Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ Tư pháp.

nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025. Trong năm 2024, Sở Tư pháp cũng đã kết hợp quán triệt, triển khai nội dung tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 thông qua hoạt động chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024. Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 1109/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 15/7/2024 hướng dẫn tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh; Công văn số 2029/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 15/11/2024 kịp thời hướng dẫn việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đối với các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh.

Với các văn bản được ban hành, UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo hướng tiếp tục quán triệt, tăng cường thông tin, truyền thông, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, nội dung của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm thực hiện quyền được thông tin về pháp luật của công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật gắn với phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương. Đồng thời, hướng dẫn việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cần chú trọng đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục hạn chế, khó khăn; phấn đấu đạt kết quả cao hơn.

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy định về xây dựng cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tại cấp xã, cấp huyện.

2. Triển khai thông tin, truyền thông, tập huấn

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 354/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, ngay từ đầu năm, Sở Tư pháp đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho lãnh đạo UBND, công chức Tư pháp - Hộ tịch 03 đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung vào các chuyên đề: Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao nhằm giúp các địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả nội dung này trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

Năm 2024, 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch và tổ chức các hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP trên địa bàn quản lý.

Ngoài ra, các quy định về xây dựng cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng được đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền đến các cơ quan chính quyền, cán bộ, công chức và Nhân dân thông qua các tin, bài trên Báo Bình Định, chuyên mục Pháp luật và Đời sống trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, hệ thống loa, đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở và nhiều hình thức khác phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, đời sống sản xuất của người dân. Cụ thể: Sở Tư pháp đã thường xuyên cập nhật, đăng tải các chủ trương, chính sách, quy định mới của trung ương, của tỉnh và các văn bản có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã đạt nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới trên Cổng thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở, trang fanpage PBGDPL tỉnh. Phối hợp với Báo Bình Định, Đài Phát thanh và truyền hình Bình Định thực hiện nhiều tin, bài, phóng sự tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Sở Tư pháp cũng đã quán triệt, chỉ đạo Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu UBND huyện đẩy mạnh công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, thông tin, truyền thông trên Cổng/Trang thông tin điện tử, Đài truyền thanh cấp huyện và hệ thống truyền thanh cơ sở về vai trò, ý nghĩa, nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, trong đó, gắn truyền thông, tuyên truyền, hưởng ứng ngày pháp luật Việt Nam với phong trào xây dựng “Nông thôn mới”, góp phần nâng cao ý thức của cán bộ, Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Thực hiện Kế hoạch số 77/KH-HĐPH ngày 22/5/2024 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh về kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024, Đoàn Kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã kiểm tra công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 02 đơn vị cấp xã: UBND xã Cát Tài (huyện Phù Cát); UBND xã An Quang (huyện An Lão) và 02 đơn vị cấp huyện: UBND huyện Phù Cát; UBND huyện An Lão.

Ngoài ra, thông qua hoạt động kiểm tra, thẩm định, thẩm tra việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, Sở Tư pháp đã tiến hành kiểm tra công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 02 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới⁵, 12 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao⁶ và 03 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu⁷.

⁵ xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân; xã An Quang, huyện An Lão

Nhìn chung, qua hoạt động kiểm tra cho thấy, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở các đơn vị được kiểm tra cơ bản đều đảm bảo theo quy định; nhiều vấn đề hạn chế, tồn tại được xác định, đánh giá về nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân ở các địa phương.

Tại các huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng Phối hợp PBGDPL cấp huyện cũng tiến hành kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu, kế hoạch đề ra.

Đồng thời, thông qua hoạt động tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho lãnh đạo UBND, công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác này đã được các đại biểu trao đổi, giải đáp trực tiếp, trên cơ sở đó triển khai các giải pháp khắc phục trên tất cả các lĩnh vực: PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở,...

4. Bố trí nguồn lực thực hiện

Ở cấp tỉnh: Sở Tư pháp có chức năng tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật - Theo dõi thi hành pháp luật là phòng chuyên môn có nhiệm vụ trực tiếp tham mưu triển khai thực hiện các nội dung của công tác này.

Ở cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phân công 01 công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn các quy định về đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

UBND các xã, phường, thị trấn cũng bố trí 01 lãnh đạo UBND cấp xã và 01 công chức Tư pháp theo dõi chung và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các công chức chuyên môn (*Công an, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Văn hóa - Xã hội, Tài chính - Kế toán*) theo dõi, xây dựng, đánh giá các tiêu chí thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách.

Kinh phí đảm bảo cho hoạt động xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương; nguồn kinh phí hỗ trợ theo các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hỗ trợ khác.

⁶ xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân; xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn; xã Nhơn Hạnh, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ; xã Cát Nhơn, xã Cát Tài, huyện Phù Cát; xã Phước Hiệp, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; xã Hoài Châu, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn; xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn

⁷ xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; xã Cát Minh, huyện Phù Cát; xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước

5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Thực hiện quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, năm 2024, UBND 11 huyện, thị xã, thành phố đã thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và tiến hành đánh giá, ban hành Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, báo cáo kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. Theo đó, có 152/155 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; 01 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 do có cán bộ, công chức là người đứng đầu chính quyền xã bị xử lý kỷ luật và 02 phường chưa thực hiện đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 do mới thành lập, chưa đảm bảo thời gian đánh giá. *(Danh sách cụ thể được thể hiện trong Phụ lục kèm theo)*

II. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

1. Thuận lợi

- Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được ban hành kịp thời, đầy đủ, có chất lượng.

- Việc triển khai xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã được UBND các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tương đối nghiêm túc, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và đúng quy định.

- Các Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật hoạt động ngày càng hiệu quả, thực chất, có trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng trong đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện các phong trào, các cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới*”, “*Chung tay xây dựng nông thôn mới*”,... do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

2. Khó khăn, hạn chế

- Thời gian tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận của cấp tỉnh lên Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BTP quá ngắn (*05 ngày kể cả ngày nghỉ*), trong khi đó, số liệu cần tổng hợp lại chi tiết đến 56 thông số của tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh và việc tổng hợp số liệu lại được thực hiện thủ công. Điều này gây khó khăn và áp lực cho công tác tổng hợp, báo cáo của các địa phương.

- Trong quá trình thực hiện chấm điểm, các xã, phường, thị trấn còn lúng túng trong việc phân công nhiệm vụ cho bộ phận chuyên môn chấm điểm ở một vài chỉ tiêu như: Chỉ tiêu 01 của Tiêu chí 02, Tiêu chí 04 trong Phụ lục 1 Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

- Việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm nhiều lĩnh vực, yêu cầu tài liệu đánh giá nhiều, tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác này còn hạn chế, công việc nhiều, trình độ chuyên môn chưa đồng đều, vì vậy, chất lượng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật chưa cao.

- Thời gian hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp, báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện còn chậm; công tác xây dựng, đảm bảo các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật vẫn chưa được chú trọng đúng mức, chỉ tập trung vào hoạt động đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí, do đó, công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa phản ánh đúng tình hình thực tiễn về tiếp cận pháp luật ở địa phương.

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

- Các biểu mẫu thực hiện đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP là khá nhiều; đặc biệt đối với các địa phương có nhiều đơn vị hành chính cấp xã.

- Một số quy định về các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật còn bất cập, chưa thống nhất. Cụ thể: Chỉ tiêu 3 của Tiêu chí 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định nội dung của tiêu chí là "*Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự*". Như vậy, trường hợp cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật nhưng không phải trong quá trình thi hành công vụ (*Vi phạm chính sách dân số sinh con thứ 3 hay các vi phạm quy định khác*) thì vẫn bị trừ điểm ở chỉ tiêu này. Điều này là chưa phù hợp nội dung tiêu chí đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, khả năng tiếp cận, thực thi pháp luật của người dân.

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thật sự chú trọng, nhận thức rõ về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; việc tổ chức, triển khai các quy định pháp luật còn chủ quan, mang tính hình thức, chưa bám sát nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận pháp luật.

- Một số đơn vị cấp xã còn khó khăn về cơ sở vật chất, kinh phí nên các chỉ tiêu liên quan về bố trí đủ kinh phí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở chưa đạt được số điểm cao, cá biệt có địa phương không có điểm ở các chỉ tiêu này.

- Ở một số địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn thiếu chặt chẽ nên kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thiếu tính tổng thể, toàn diện.

- Một số công chức ở cấp xã còn hạn chế, thiếu nghiên cứu, nắm rõ về nội dung của các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, do đó, việc tham mưu xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vẫn còn hạn chế.

III. Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2025

1. Mục tiêu thực hiện

- 100% các xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin của người dân, góp phần xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Các cấp ủy, chính quyền đẩy mạnh việc quán triệt, triển khai thực hiện các quy định mới về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tác động của công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; xác định rõ đây là một trong những tiêu chí để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” và đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã (*quy định tại Điều 3 của Quyết định 25/2021/QĐ-TTg*). Tăng cường và thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

- UBND cấp huyện xây dựng và chỉ đạo UBND cấp xã ban hành Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với việc xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị ngay từ đầu năm. Nghiên cứu, nắm rõ nội dung, yêu cầu của từng chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo hiệu quả trong việc xây dựng, đánh giá; làm tốt công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở; hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện việc nâng cao điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở.

- Thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật tăng cường hơn nữa công tác phối hợp trong việc xây dựng, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân và đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong việc tổ chức triển khai xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đảm bảo việc xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng quy định, thẩm quyền, thực chất, đạt mục đích đề ra, nhất là trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã, nhất là công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho đội ngũ công chức cấp xã.


- Quan tâm đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Kêu gọi, khuyến khích các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai thực hiện công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề xuất, kiến nghị Bộ Tư pháp cụ thể như sau:

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn các quy định về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; kịp thời giải đáp khó khăn, vướng mắc của các địa phương, phục vụ cho hoạt động xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở; nâng cao hiệu quả, chất lượng đánh giá các tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật của các xã, phường, thị trấn.

- Sớm xây dựng Hệ thống phần mềm tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tổng hợp, đánh giá ở các cấp cũng như đảm bảo phù hợp với chủ trương thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực công tác hiện nay.

Trên đây là kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tư pháp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục PBGDPL (BTP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PVP TD;
- Lưu: VT, K11.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

BẢN TỔNG HỢP THÔNG TIN, SỐ LIỆU THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo tỷ lệ % tại Phụ lục I

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5			
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch, phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ người bị buộc tội, bị đưng trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân quyết trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định		
1	TP. Quy Nhơn																						
	Phường Hải Cảng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	100	100	99,86	
	Phường Ngô Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	100	98,65	100	99,88
	Phường Nguyễn Văn Cừ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	100	89,72	100	99,8
	Phường Trần Quang Diệu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	91,66	100	100	100	100	100	89,56	100	99,96

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Phường Quang Trung	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	89,47	89,85	99,92
	Phường Bùi Thị Xuân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	89,28	46,15	99,78
	Phường Nhơn Bình	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	100	100	100	97,75	100	99,9
	Phường Ghềnh Ráng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	<50	<50	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Đống Đa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	<50	100	100	100	100	100	89,81	89,76	99,96
	Phường Nhơn Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	<50	100	100	<50	100	100	100	100	100	89,83	100	99,79
	Xã Nhơn Châu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99,65
	Xã Nhơn Hải	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	89,76	89,87	99,67

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Phước Thắng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
4	Huyện Vân Canh																					
	Xã Canh Vinh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	85	100	71	92	95	100	95	97	97	100	100	100
	Xã Canh Hiền	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	100	0	100	95	97	97	100	100	100
	Xã Canh Hiệp	100	100	100	100	100	100	100	96	100	45	100	75	100	100	100	85	95	95	95	100	100
	Xã Canh Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83,3	100	100	100	95	96	96	100	100	100
	Xã Canh Hòa	100	97	97	97	100	94	100	95	100	45	100	60	45	45	100	95	95	85	100	100	100
	Xã Canh Liên	100	100	100	100	100	100	100	95	94	85	100	100	100	100	100	85	95	95	95	100	100

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Vĩnh Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Vĩnh Quang	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	100	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	100	70	100	100	100	90	90	100	100	100	100
6	Huyện Tây Sơn																					
	Tây Xuân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100
	Bình Tường	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	96	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Vĩnh An	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	99	99	99	100	99
	Bình Thành	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	100	100	100	99	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Bình Hòa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	92	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Bình Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100
	Tây Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Bình Nghi	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Tây An	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	94	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Bình Tân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Tây Bình	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100
	Tây Vinh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tây Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	89	100	100	100	100	100	100	99	100	100
	Tây Giang	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	89	99	99	100	99
	TT Phú Phong	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99
7	Huyện Phù Cát																					
	Thị trấn Ngô Mây	100	98	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98	98	100	100	100	88	100	98
	Xã Cát Trinh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	97	100	100
	Xã Cát Tân	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	49	100	98
	Xã Cát Tường	99	98	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98	100	100	100	100	100	100	65	100	98

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Cát Nhon	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98	100	100
	Xã Cát Hưng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98
	Xã Cát Thắng	100	98	98	100	89	98	98	100	100	88	100	98	100	100	100	100	88	88	100	100	98
	Xã Cát Chánh	100	98	100	100	98	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	98
	Thị trấn Cát Tiến	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	49	68	98
	Xã Cát Hải	100	98	98	98	100	100	100	100	100	98	100	100	100	100	98	100	100	100	95	100	98
	Xã Cát Thành	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98
	Xã Cát Khánh	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	98

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Ân Tường Đông	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	60	100	100	100	100	90	100	100	100	97
	Xã Ân Hào Tây	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	75	100	98
	Xã Ân Nghĩa	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	92	100	0	100	100	100	100	100	100	97
	Xã Ân Sơn	100	100	100	100	90	100	90	100	100	90	100	100	100	0	100	90	100	100	100	100	96
	Xã Ân Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	84	100	100	100	100	90	100	76	68	98
	Xã Ân Tường Tây	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	45	100	0	100	90	100	100	100	100	100
	Xã Bok Tới	100	90	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	96	100	100
	Xã Đak Mang	100	100	100	100	100	100	90	90	100	90	100	100	100	0	100	100	90	100	100	100	97

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Ân Phong	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	87	100	100	100	100	90	100	100	100	98
	Xã Ân Đức	100	90	90	100	100	100	100	90	100	100	100	78	100	0	100	100	100	90	100	100	97
	Xã Ân Tín	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	75	100	100	100	90	100	100	78	100	98
	TT. Tăng Bạt Hồ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	90	100	76	100	100	100	90	100	100	87	77	100
11	Huyện An Lão																					
	Xã An Tân	100	100	100	100	100	100	100	95	95	85	100	100	95	95	100	95	95	100	100	100	100
	Xã An Quang	100	95	95	95	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	95	95	95	100	100	100
	Xã An Trung	100	95	95	95	95	95	95	95	95	100	100	85	100	100	100	95	95	95	100	100	97

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã An Vinh	100	95	95	95	95	95	100	95	95	100	100	87	95	95	100	95	95	95	100	100	97
	Xã An Nghĩa	100	95	95	95	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	95	95	100	100	100
	Xã An Hưng	100	95	95	95	100	100	100	100	100	100	100	100	95	95	100	95	95	95	100	100	100
	Xã An Hòa	100	95	95	45	95	95	95	100	95	100	100	85	100	100	100	95	95	95	95	100	97
	Xã An Toàn	100	95	95	95	100	100	100	95	100	95	100	95	100	100	100	95	95	95	100	100	100
	Xã An Dũng	100	95	95	95	100	100	100	100	100	100	100	75	100	100	100	95	95	95	100	100	100
	Thị trấn An Lão	100	95	95	95	95	95	95	95	100	95	95	95	100	100	100	95	95	85	100	100	100

II. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo điểm số tại Phụ lục I

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TP. Quy Nhơn											
	Phường Hải Cảng	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Ngô Mỹ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Nguyễn Văn Cừ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Trần Quang Diệu	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Quang Trung	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Bùi Thị Xuân	3	1	1	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Nhơn Bình	3	1	2	5	3	0	2	4	3	0	6
	Phường Ghềnh Ráng	3	1	2	5	3	0	2	4	3	5	6
	Phường Đống Đa	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Nhơn Phú	3	1	2	0	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Nhơn Châu	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Nhơn Hải	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Phước Mỹ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Nhơn Hội	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Nhơn Lý	3	1	1	5	2	1	2	3	3	5	6
2	Thị xã An Nhơn											
	Phường Bình Định	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Phường Nhơn Hòa	3	1	2	5	3	3,5	3	5	6	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5	
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Phường Nhơn Thành	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Phường Đập Đá	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Hậu	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Mỹ	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
	Phường Nhơn Hưng	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Lộc	3	1	2	5	3	3,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Phúc	3	1	2	5	3	3,5	3	5	6	5	6
	Xã Nhơn Hạnh	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Tân	3	1	2	5	2	2,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn Phong	3	1	2	5	0,25	2,5	3	5	7	5	6
	Xã Nhơn An	3	1	2	5	3	3,5	3	4	7	5	6
	Xã Nhơn Khánh	3	1	2	5	3	3,5	3	3	7	5	6
	Xã Nhơn Thọ	3	1	2	5	2	3,5	3	5	7	5	6
3	Huyện Tuy Phước											
	Thị trấn Tuy Phước	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Thị trấn Diêu Trì	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Xã Phước Thành	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Xã Phước An	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Xã Phước Lộc	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Xã Phước Thuận	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6
	Xã Phước Sơn	3	1	2	5	3	1	3	5	6	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Phước Hiệp	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6	
	Xã Phước Nghĩa	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6	
	Xã Phước Hưng	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6	
	Xã Phước Quang	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6	
	Xã Phước Hòa	3	1	2	3	3	1	3	5	7	5	6	
	Xã Phước Thắng	3	1	2	5	3	1	3	5	7	5	6	
4	Huyện Vân Canh												
	Xã Canh Vinh	3	1	2	5	3	1	2	3	3	5	6	
	Xã Canh Hiến	3	1	2	5	3	1	2	3	3	5	6	
	Xã Canh Hiệp	3	0	1	5	2	1	2	2	3	5	6	
	Xã Canh Thuận	3	1	1	5	3	1	2	3	3	5	6	
	Xã Canh Hòa	3	1	2	5	3	0	2	2	3	5	6	
	Xã Canh Liên	3	0	1	5	3	1	2	2	3	5	6	
	Thị trấn Vân Canh	3	0	1	5	3	1	2	2	3	5	6	
5	Huyện Vĩnh Thạnh												
	Xã Vĩnh Sơn	0	6	8	5	0	4	3	4	7	5	6	
	Xã Vĩnh Kim	0	6	7	0	0	4	3	5	7	5	6	
	Xã Vĩnh Hào	0	6	7	0	3	4	3	4	7	5	6	
	Xã Vĩnh Hiệp	0	6	8	5	3	4	3	4	5,25	5	6	
	Xã Vĩnh Thịnh	0	6	8	3	3	4	3	5	5,25	5	6	
	Xã Vĩnh Hòa	0	6	8	3	3	4	3	5	7	5	6	

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Vĩnh Thuận	0	6	8	5	0	4	3	5	7	5	6	
	Xã Vĩnh Quang	0	6	7	5	3	4	3	5	7	5	6	
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	0	6	8	3	3	4	3	5	7	5	6	
6	Huyện Tây Sơn												
	Tây Xuân	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Bình Tường	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Vĩnh An	9	1	2	5	2	1	3	5	3	5	6	
	Bình Thành	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Bình Hòa	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Bình Thuận	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Tây Phú	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Bình Nghi	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Tây An	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Bình Tân	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Tây Bình	10	1	2	5	3	1	3	5	3	0	6	
	Tây Vinh	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
	Tây Thuận	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Tây Giang	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	TT Phú Phong	10	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6	
7	Huyện Phù Cát												
	Thị trấn Ngô Mỹ	10	1	0	3	3	1	3	4	3	0	6	

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Cát Trinh	10	1	2	5	3	1	3	4	3	0	6	
	Xã Cát Tân	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Tường	10	1	2	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Nhơn	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Hưng	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Thắng	10	0,5	2	3	3	1	3	4	1	5	6	
	Xã Cát Chánh	10	0,5	0	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Thị trấn Cát Tiến	10	1	1	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Hải	10	1	2	0	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Thành	10	1	2	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Khánh	9	1	2	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Minh	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Tài	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Hanh	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Hiệp	10	1	2	5	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Lâm	7	1	1	3	3	1	3	4	3	5	6	
	Xã Cát Sơn	10	1	1	3	2	1	3	3	3	5	6	
8	Huyện Phù Mỹ												
	Thị trấn Phù Mỹ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Thị trấn Bình Dương	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Thọ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Mỹ Hiệp	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Chánh	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Đức	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Thành	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Thắng	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Châu	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Hòa	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Cát	3	1	2	3	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Lợi	3	1	2	3	2	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Trinh	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Tài	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Phong	3	1	2	5	3	1	2	4	3	0	6	
	Xã Mỹ Chánh Tây	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Quang	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ An	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
	Xã Mỹ Lộc	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6	
9	Thị xã Hoài Nhơn												
	Xã Hoài Châu Bắc	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Xã Hoài Hải	3	1	2	5	3	1	4	3	3	5	6	
	Xã Hoài Phú	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Xã Hoài Sơn	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Hoài Mỹ	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Xã Hoài Châu	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Tam Quan Nam	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Tam Quan	3	1	2	5	3	1	4	4	3	0	6	
	Phường Bồng Sơn	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Tân	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Hương	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Tam Quan Bắc	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Thanh Tây	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Xuân	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Đức	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Hảo	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
	Phường Hoài Thanh	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6	
10	Huyện Hoài Ân												
	Xã Ân Thạnh	3	1	2	5	3	1	3	5	2,5	5	6	
	Xã Ân Hảo Đông	3	1	2	5	3	1	3	5	2,5	5	6	
	Xã Ân Hữu	3	1	2	5	3	1	3	5	2,5	5	6	
	Xã Ân Tường Đông	3	1	2	5	3	1	3	5	2	5	6	
	Xã Ân Hảo Tây	3	1	2	5	1	1	3	5	2,5	5	6	
	Xã Ân Nghĩa	3	1	2	5	3	1	3	5	1,5	5	6	
	Xã Ân Sơn	3	1	2	5	0	1	3	5	1,5	5	6	

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung để Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Xã Ân Mỹ	3	1	2	5	0	1	3	5	1,5	5	6	
	Xã Ân Tường Tây	3	1	2	3	3	1	3	5	3	5	6	
	Xã Bok Tới	3	1	2	5	2	1	3	4	1,5	5	6	
	Xã Đak Mang	3	1	2	5	0	1	3	5	1,5	5	6	
	Xã Ân Phong	3	1	2	5	0	1	3	5	1,5	5	6	
	Xã Ân Đức	3	1	2	5	0	1	3	4	2,5	5	6	
	Xã Ân Tín	3	1	2	5	2	1	3	5	1,5	5	6	
	TT. Tấng Bạt Hồ	3	1	2	3	3	1	3	5	3	5	6	
11	Huyện An Lão												
	Xã An Tân	3	1	2	5	0	3	2	3	3	5	6	
	Xã An Quang	3	1	1	5	0	4	2	4	3	5	6	
	Xã An Trung	3	1	1	5	3	4	2	4	3	0	6	
	Xã An Vinh	1	1	1	5	3	3	2	4	3	0	6	
	Xã An Nghĩa	1	1	1	5	0	4	2	4	3	0	6	
	Xã An Hưng	3	1	1	3	0	3	2	3	3	0	6	
	Xã An Hòa	0	1	1	5	3	4	2	4	3	0	6	
	Xã An Toàn	2	1	1	5	0	4	2	4	3	0	6	
	Xã An Dũng	2	1	1	5	0	4	2	4	3	0	6	
	Thị trấn An Lão	3	1	1	5	3	4	2	1	3	5	6	

DANH SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
NĂM 2024 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2025
của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên xã, phường	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Thành phố Quy Nhơn							
01	Phường Hải Cảng	97,5	10	30	13,5	20	24	
02	Phường Ngô Mây	97	10	30	13,5	20	23,5	
03	Phường Nguyễn Văn Cừ	96,5	10	30	13,5	20	23	
04	Phường Trần Quang Diệu	96	10	30	13	20	23	
05	Phường Quang Trung	95,5	10	30	13,5	20	22	
06	Phường Bùi Thị Xuân	93,5	10	29	13,5	20	21	
07	Phường Nhơn Bình	91	10	30	12,5	20	18,5	
08	Phường Ghềnh Ráng	91	10	27	9,0	20	25	
09	Phường Đống Đa	92,25	10	30	10,25	20	22	
10	Phường Nhơn Phú	88,5	10	22	13,5	20	23	
11	Xã Nhơn Châu	99	10	30	15	20	24	
12	Xã Nhơn Hải	97	10	30	15	20	22	
13	Xã Phước Mỹ	97	10	30	15	19	23	
14	Xã Nhơn Hội	94,5	10	28	13,5	20	23	
15	Xã Nhơn Lý	94,5	10	29	13,5	20	22	
II	Thị xã An Nhơn							
01	Phường Nhơn Thành	97,5	10	28	14,5	20	25	
02	Phường Đập Đá	97,5	10	29	13,5	20	25	
03	Phường Nhơn Hòa	97	10	30	13,5	20	23,5	
04	Phường Bình Định	96,5	10	29	12,5	20	25	
05	Phường Nhơn Hưng	96	10	29	13,5	20	23,5	
06	Xã Nhơn Hạnh	98	10	30	15	18	25	
07	Xã Nhơn Hậu	97	10	29	14,5	19	24,5	
08	Xã Nhơn Mỹ	97	10	30	15	18	24	
09	Xã Nhơn Thọ	97	10	28	14	20	25	

10	Xã Nhơn An	96	10	27,5	14,5	19	25	
11	Xã Nhơn Phúc	96	10	28	14,5	20	23,5	
12	Xã Nhơn Tân	95	10	27,5	12,5	20	25	
13	Xã Nhơn Lộc	94,5	10	28	11,5	20	25	
14	Xã Nhơn Khánh	93,5	10	30	12,5	16	25	
15	Xã Nhơn Phong	93	10	26,5	12,5	20	24	
III	Huyện Tuy Phước							
01	Xã Phước Lộc	100	10	30	15	20	25	
02	Xã Phước Hiệp	100	10	30	15	20	25	
03	Xã Phước Nghĩa	100	10	30	15	20	25	
04	Xã Phước Quang	100	10	30	15	20	25	
05	Xã Phước Hưng	100	10	30	15	20	25	
06	Xã Phước Thuận	100	10	30	15	20	25	
07	Xã Phước Thắng	100	10	30	15	20	25	
08	Xã Phước Sơn	99	10	30	15	20	24	
09	Xã Phước Thành	98	10	30	12,5	20	25	
10	Xã Phước An	97,5	10	30	12,5	20	25	
11	Xã Phước Hòa	95,5	10	28	12,5	20	25	
12	Thị trấn Diêu Trì	98,5	10	30	13,5	20	25	
13	Thị trấn Tuy Phước	98,5	10	30	13,5	20	25	
IV	Huyện Vân Canh							
01	Xã Canh Thuận	91.5	10	29	11.5	16	25	
02	Xã Canh Hiến	90.75	10	30	10.25	15.5	25	
03	Xã Canh Vinh	89.25	10	29	9.75	15.5	25	
04	Xã Canh Liên	86	10	25.5	12.5	13.5	24.5	
05	Xã Canh Hiệp	80.5	10	23	9.5	13.5	24.5	
06	Xã Canh Hòa	80.25	10	24	7.75	13.5	25	
07	Thị trấn Vân Canh	80.75	10	24	8.75	13.5	24.5	
V	Huyện Vĩnh Thạnh							
01	Xã Vĩnh Thuận	92	07	27	13	20	25	
02	Xã Vĩnh Quang	92	07	26	14	20	25	
03	Xã Vĩnh Hảo	91	10	24	14	19	24	
04	Xã Vĩnh Sơn	91	07	27	13	19	25	
05	Xã Vĩnh Hiệp	90	07	27	15	19	22,25	

06	Xã Vĩnh Hòa	90	07	24,5	15	20	23,5	
07	Xã Vĩnh Thịnh	88	07	25	13	20	22,5	
08	Xã Vĩnh Kim	86	07	21	13	20	25	
09	Thị trấn Vĩnh Thạnh	88	07	27	12	18	24	
VI	Huyện Tây Sơn							
01	Thị trấn Phú Phong	98,5	10	30	15	20	23,5	
02	Tây Xuân	99,5	10	30	15	20	24,5	
03	Bình Tường	97,5	10	30	14	20	23,5	
04	Vĩnh An	93	9	28,5	15	17	23,5	
05	Bình Thành	97,5	10	30	14	20	23,5	
06	Bình Hòa	97,5	10	30	14	20	23,5	
07	Bình Thuận	99,5	10	30	15	20	24,5	
08	Tây Phú	98,5	10	30	15	20	23,5	
09	Bình Nghi	98,5	10	30	15	20	23,5	
10	Tây An	98	10	30	14	20	24	
11	Bình Tân	98,5	10	30	15	20	23,5	
12	Tây Bình	94,5	10	30	15	20	19,5	
13	Tây Vinh	98,5	10	30	15	20	23,5	
14	Tây Thuận	97,5	10	30	13	20	24,5	
15	Tây Giang	98,5	10	30	15	20	23,5	
VII	Huyện Phù Cát							
01	Xã Cát Minh	100	10	30	15	20	25	
02	Xã Cát Nhơn	99,5	10	30	15	20	24,5	
03	Xã Cát Hưng	99	10	30	15	20	24	
04	Xã Cát Hiệp	99	10	30	15	20	24	
05	Xã Cát Tài	98,5	10	30	15	20	23,5	
06	Xã Cát Tân	97	10	30	15	20	22	
07	Xã Cát Hạnh	96	10	30	13	20	23	
08	Xã Cát Thành	97	10	28	15	20	24	
09	Xã Cát Trinh	94,5	10	30	15	20	19,5	
10	Xã Cát Chánh	93	10	24,5	15	20	23,5	
11	Xã Cát Tường	92,75	9	27,5	14	20	22,25	
12	Xã Cát Sơn	92,25	10	25	14,25	19	24	
13	Xã Cát Hải	90	10	22,5	14	20	23,5	

14	Xã Cát Lâm	89	07	27	12	19	24	
15	Xã Cát Thăng	84,75	10	22,75	14	16	22	
16	Thị trấn Cát Khánh	95,5	9	28	15	20	23,5	
17	Thị trấn Cát Tiến	91,25	10	27	15	20	19,25	
18	Thị trấn Ngô Mây	87	10	25,5	13,5	20	18	
VIII	Huyện Phù Mỹ							
01	Xã Mỹ An	99	10	30	15	19	25	
02	Xã Mỹ Quang	99	10	30	14	20	25	
03	Xã Mỹ Trinh	99	10	30	15	20	24	
04	Xã Mỹ Châu	98,5	10	29,5	15	19	25	
05	Xã Mỹ Cát	98,5	10	30	14	20	24,5	
06	Xã Mỹ Thọ	98	10	30	15	19	24	
07	Xã Mỹ Lộc	98	10	30	13	20	25	
08	Xã Mỹ Chánh	98	10	30	13	20	25	
09	Xã Mỹ Đức	98	10	30	13	20	25	
10	Xã Mỹ Hòa	98	10	29	14	20	25	
11	Xã Mỹ Hiệp	98	10	30	13	20	25	
12	Xã Mỹ Lợi	98	10	29	14	20	25	
13	Xã Mỹ Chánh Tây	97,5	10	29,5	13	20	25	
14	Xã Mỹ Thăng	97	10	29	13	20	25	
15	Xã Mỹ Thành	97	10	30	12	20	25	
16	Xã Mỹ Tài	95,25	10	29	12,25	20	24	
17	Thị trấn Phù Mỹ	99	10	30	12	20	25	
18	Thị trấn Bình Dương	98	10	29	14	20	25	
IX	Thị xã Hoài Nhơn							
01	Xã Hoài Mỹ	100	10	30	15	20	25	
02	Xã Hoài Châu	99	10	30	15	19	25	
03	Xã Hoài Phú	98,5	10	30	13,5	20	25	
04	Xã Hoài Hải	97,5	10	30	13,5	19	25	
05	Xã Hoài Châu Bắc	97,5	10	30	12,5	20	25	
06	Xã Hoài Sơn	97,5	10	30	12,5	20	25	
07	Phường Bồng Sơn	100	10	30	15	20	25	
08	Phường Hoài Đức	97,5	10	30	13,5	20	24	
09	Phường Hoài Xuân	97	10	28	14	20	25	

10	Phường Hoài Hảo	95.5	10	30	10.5	20	25	
11	Phường Tam Quan Nam	95.25	10	30	11.25	20	24	
12	Phường Hoài Hương	95.25	10	30	10.25	20	25	
13	Phường Hoài Tân	95	10	30	10.5	20	24.5	
14	Phường Tam Quan Bắc	94.5	10	30	9.5	20	25	
15	Phường Hoài Thanh Tây	94.5	10	30	10.5	20	24	
16	Phường Tam Quan	93	10	30	13.5	20	19.5	
17	Phường Hoài Thanh	91.75	9	30	9.25	19	24.5	
X	Huyện Hoài Ân							
01	Xã Ân Thạnh	96.5	10	30	13	20	23,5	
02	Xã Ân Tường Đông	94	10	30	11.75	19	23	
03	Xã Ân Nghĩa	93	10	29	11.5	20	22,5	
04	Xã Ân Hữu	93	10	26,25	13	20	23,5	
05	Xã Ân Hảo Tây	92.5	10	28	12.5	20	22	
06	Xã Bok Tới	92.5	10	28	12.5	19	23	
07	Xã Ân Hảo Đông	91.5	10	30	12	18	21,5	
08	Xã Ân Phong	90.5	10	26	13	19	22,5	
09	Xã Ân Tường Tây	90	10	27	9	19	25	
10	Xã Ân Tín	90	10	28	12	19	21	
11	Xã Ân Sơn	89	10	25	12.5	19	22,5	
12	Xã Đăk Mang	88,5	10	24,5	12.5	19	22,5	
13	Xã Ân Mỹ	87.5	10	26	13	19	19,25	
14	Xã Ân Đức	86	10	25	9.5	18	23,5	
15	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	90.5	10	27	12	19	22,5	
XI	Huyện An Lão							
01	Xã An Tân	89,5	10	23,5	14	17	25	
02	Xã An Quang	88,5	10	22,5	14	17	25	
03	Xã An Trung	83,5	10	24,5	13	17	19	
04	Xã An Vinh	82	8	25	13	17	19	
05	Xã An Nghĩa	81,5	8	22,5	14	17	20	
06	Xã An Hưng	81,5	10	20,5	14	17	20	
07	Xã An Hòa	81	9	24,5	13	16	18,5	
08	Xã An Toàn	80,5	9	22,5	14	17	18	
09	Xã An Dũng	80,5	9	22,5	12	17	20	
10	TT An Lão	85	10	24	13	13	25	

DANH SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
NĂM 2024 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Tên xã, phường, thị trấn *	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Huyện Phù Mỹ							
01	Xã Mỹ Phong	94	10	30	13	20	20	QĐ số 2952/QĐU BND ngày 26/04/2024

DANH SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN KHÔNG TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2024 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Tên xã, phường, thị trấn *	Lý do
I	Thành phố Quy Nhơn	
01	Phường Thị Nại	Mới thành lập, không đảm bảo thời gian đánh giá
02	Phường Trần Phú	Mới thành lập, không đảm bảo thời gian đánh giá